

ĐI TÌM MỘT MẢNH KHUYẾT SỬ
QUA
KHÂM ĐỊNH AN NAM KỶ LƯỢC
欽定安南紀略

PHẦN HAI

Nguyễn Duy Chính

MỞ ĐẦU

Khi nhìn lại lịch sử 150 năm đầu tiên của triều đại nhà Thanh, thành quả của họ thu đạt được lên đến đỉnh cao trong lịch sử Trung Hoa, không phải chỉ bởi hơn hẳn các triều Nguyên, triều Minh mà về tổ chức hành chánh, binh bị, kiến trúc, nghệ thuật, âm nhạc, hội hoạ, thi ca ... cũng có nhiều thành tựu. Đến giữa thế kỷ 18 thì biên cương Trung Hoa đã bành trướng đến cực điểm, bao gồm tất cả đất đai của nhà Minh trước đây và cả Mãn Châu, Mông Cổ, Tây Tạng, Tân Cương. Một lãnh thổ rộng lớn và đa chủng, đa dạng như thế khiến Thanh triều đưa ra những mô hình văn hoá dung nạp nhiều sắc thái mang tính chất đại diện cho những dân tộc đã bị sáp nhập và đồng hoá. Việc bành trướng thế lực của nhà Thanh đã khiến cho ba đời vua quan trọng nhất (Khang Hy, Ung Chính, Càn Long) chủ động nhiều cuộc chiến tranh, hầu hết tại các vùng biên giới và nghệ thuật quân sự trở nên một phần quan trọng trong sinh hoạt của triều đình.

Nhà Thanh cũng là triều đại mà thủ tục, lễ nghi phức tạp đến cực độ. Câu “*phú quý sinh lễ nghĩa*” áp dụng vào thời kỳ này thật không còn gì đúng hơn. Sự chi li về điển lệ phân biệt rất nhiều giai tầng và địa vị khiến những nhà nghiên cứu chỉ nhìn vào sắp đặt, áo quần, bổ phục, mũ mào ... cũng có thể nhận định được nhiều tình huống một cách khá chính xác.

Đến đời Càn Long, nhà vua không những thừa hưởng một gia tài văn hoá phức tạp, mà bản thân ông cũng cố công san định lại nhiều điển lệ và đặt ra thêm nhiều thủ tục để tăng thêm uy vọng cho chính mình. Ngoài những lễ hội và tiết nhật hàng năm, nhà vua còn chủ động thực hiện những công tác qui mô không định kỳ như tuần du của hoàng gia, đi săn ở Mộc Lan, duyệt binh, yến tiệc, khánh thọ cho hoàng đế và thái hậu, tiệc đãi những người già cả và tiếp đón sứ thần từ nước ngoài. Những biến cố lớn đó được hoạ sĩ theo lệnh của nhà vua vẽ lại để trưng bày nên hiện nay hình ảnh còn tồn tại khá nhiều mặc dầu ngoài một số ít tương đối trung thực, phần lớn chỉ do sự tưởng tượng và tuy giúp chúng ta hình dung được phần nào tính cách vĩ đại của sự việc nhưng không hẳn đã cung cấp những chi tiết đúng đắn¹.

Joanna Waley-Cohen² đã tổng hợp tất cả những hình thức phô diễn liên quan đến “*võ công*” để gọi đó là một “*văn hoá quân sự*” (military culture), bao gồm những nghi thức (rituals) trước và sau chiến tranh. Những lễ lạc đó cũng là một cách để tôn vinh hoàng đế và đề cao quyền lực của triều đình trung ương, được định chế hoá và tuân thủ một

¹ Bức tranh vĩ đại và qui mô *Vạn Di Cống Sứ Đồ* (Tributes from Ten Thousand Countries) chẳng hạn, vẽ phái đoàn Xiêm La rất hùng hậu với hai con voi to lớn, khoẻ mạnh (có cả phái đoàn An Nam khiếm tốn lẫn khuất trong đám đông) cũng bị nhiều người cho rằng chỉ là một loại tranh tuyên truyền văn hoá (cultural propaganda).

² Joanna Waley-Cohen, *The Culture of War in China – Empire and the Military Under the Qing Dynasty* (New York: I.B. Tauris, 2006)

cách nghiêm ngặt nên cũng giúp chúng ta có thể minh họa lại một số sự kiện dựa trên một số chi tiết rời rạc.³

Xem lại những hình vẽ về lễ lạc, duyệt binh, tuần thú và những thịnh điển cho thấy một số lớn tài nguyên quốc gia đã dùng để chi tiêu vào những hình thức này. Chính vì triều đình đề cao sự hư hoa, hào nhoáng nên người nào biết ý nhà vua đều có thể thăng quan tiến chức một cách mau chóng. Hoà Khôn, một người lính bất học vô thuật đang từ một vị trí vô danh chẳng bao lâu đã lên hàng phú gia địch quốc, quyền khuynh thiên hạ cũng vì có vẻ đáng bên ngoài khá sáng sủa và khéo chiều hoàng thượng. Những hình thức đó cũng làm biến dạng sự thực khiến cho nếu không xem xét kỹ chúng ta dễ dàng ngộ nhận về thực chất của vấn đề.

Thanh triều cũng muốn phân biệt họ không phải là một triều đại thuần túy Trung Hoa nên quyền hành và các chức vụ then chốt từ trung ương đến địa phương đều ở trong tay người Mãn Châu. Mang tâm lý dị tộc, các vua đầu nhà Thanh muốn bổ xung vào một văn minh trung nguyên thiên về văn trị những hình thức võ công, vừa để quân bằng cho có âm có dương, đồng thời minh chứng rằng việc họ làm chủ đại lục hợp lẽ trời đất. Người ta cũng không ngạc nhiên khi thiên mệnh được dẫn chứng để làm căn bản cho nhiều quyết định chính trị, điển hình là việc nhà Thanh cho rằng “*trời đã ghét bỏ nhà Lê*” nên việc phong vương cho Nguyễn Huệ là thuận với đạo lý.

Sau hơn một trăm năm liên tục bành trướng về phương tây, chiếm lãnh các tiểu quốc vùng Tây Vực, những sắc tộc không chịu bị sáp nhập một cách âm thầm nên nhiều lần nổi lên chống lại nhà Thanh. Đây chính là lý do khiến vua Càn Long tiến hành nhiều cuộc chinh phạt, phần lớn chỉ là những đánh dẹp những vụ nổi dậy nhưng lại phóng đại thành những võ công lừng lẫy. Cuối đời Càn Long, Thanh triều lại có tham vọng mở rộng ảnh hưởng xuống vùng Đông Nam Á vì khu vực này càng lúc càng đông người Trung Hoa và liên hệ trực tiếp đến sinh hoạt kinh tế vùng Hoa Nam. Tham vọng đó cũng thể hiện trên những bản đồ vẽ từ đời Thanh và gần đây người Trung Hoa vẫn nhập nhằng bao gồm luôn cả khu vực phiên thuộc ngoài lãnh thổ và lãnh hải của họ một cách thiếu minh bạch.

Nước ta may mắn không phải là thử thách đầu tiên của kế hoạch này nên việc nhà Thanh đem quân xâm lấn tưởng như rủi mà lại may, trở thành một cơ hội mới, “*vốn ít, lời nhiều*”, đạt được những thắng lợi chính trị và ngoại giao ngoài sức tưởng tượng.

Từ chiến sang hoà, phương lược đấu tranh của nhà Tây Sơn chuyển sang một mặt trận mới. Công tác ngoại giao vốn dĩ không phải là sở trường của Nguyễn Huệ, nay với sự giúp sức của một số nho sĩ quan lại cũ ở Bắc Hà nên đã đạt nhiều thành quả tốt đẹp⁴. Thành quả đó không phải chỉ đơn thuần là do ngọn bút, lời văn mà là những phù hợp

³ Trong khoảng đầu đời Càn Long, nhà vua đã cho xuất bản ba bộ điển lệ rất qui mô, đó là *Đại Thanh Thông Lễ* (1756), *Ngũ Lễ Thông Khảo* (1761) và *Hoàng Triều Lễ Khí Đồ Thức* (1766).

⁴ Chính vua Gia Long lúc đầu cũng có ý định dùng lại những nho sĩ đó trong công tác ngoại giao để xin nhà Thanh phong vương nhưng sau lại thôi.

khít khao với nhu cầu của Thanh triều muốn chứng tỏ họ đang trong một thời kỳ “*Pax Manjurica*”⁵ như Joanna Wahey-Cohen đã đặt tên. Lịch sử tuy vẫn có một số qui luật nhất định nhưng không phải không có những bất ngờ.

HÌNH THỨC VÀ LỄ NGHĨ

Lễ nghi của nhà Thanh quả là cực kỳ phức tạp. Những hình thức phụ thuộc vào chiến tranh được gọi là quân lễ (軍禮) vốn dĩ là một trong năm đại lễ nghi (cát, hung, quân, tân, gia ngũ lễ) của Trung Hoa thời cổ. Quân lễ lại có 5 loại khác nhau, đó là *đại sư* (大師) là lễ để nhà vua thân chinh đem quân đi, *đại quân* (大均) là lễ phân bổ trách nhiệm vì ngày xưa thời bình quân sĩ trở về làm dân, *đại điền* (大田) là lễ tổ chức theo mùa kiểm điểm năng lực phòng cho thời loạn, *đại dịch* (大役) là để tập hợp nhân lực xây đồn đắp lũy, *đại phong* (大封) là để chia đất cho các cấp sau chiến tranh, tái phân ruộng đất canh tác.⁶

Về sau quân lễ được qui định khác đi nhưng những hình thức lại cụ thể hơn bao gồm *thân chinh* (親征) khi nhà vua đích thân đem quân dẹp giặc, *đại duyệt* (大閱) là lễ duyệt binh để phô trương sức mạnh của quốc gia, *mệnh tướng xuất chinh* (命將出征) để nhà vua trao quyền cho tướng đem quân đi, *tấu khải* (奏凱) là lễ tâu lên vua về thắng lợi, *khải toàn* (凱旋) là lễ thắng trận trở về, *thụ hàng* (受降) là lễ nhận đầu hàng, *hiến phù* (獻俘) là lễ dâng lên vua tù nhân bắt được, *thụ phù* (受俘) là lễ nhà vua tiếp nhận tù nhân và *cáo miếu* (告廟) là để nhà vua báo cáo với tổ tiên về chiến công của mình. Những tướng lãnh và binh sĩ cũng được hưởng một đại tiệc để khao thưởng, thường là tổ chức ngay ngoài ô kinh đô nên gọi là *giao lao* (郊勞).

Những hình thức thuộc về việc dụng binh này chỉ là một phần nhỏ vì ngoài việc thi hành các đại lễ để cho việc ra quân thêm phần uy vũ, Thanh triều còn thực hiện nhiều công trình khác vừa để bố cáo cho thiên hạ vừa để trấn áp những kẻ có ý chống lại triều đình. Những hình thức phô trương đó rất đa dạng bao gồm tượng đồng, bia đá và các loại văn chương ca tụng. Trong tổng số trên một vạn bài thơ văn ngự chế của vua Càn Long, khoảng 1500 bài tác phẩm liên quan đến các chiến dịch. Một số bài đã được khắc lên bia đá dựng tại nhiều nơi trên và rập lại rồi in trên các tranh vẽ hay bút thiếp. Chính vua Càn Long cũng nhiều lần nhấn mạnh rằng ông muốn những ký văn

⁵ Thời kỳ thịnh trị của người Mãn Châu

⁶ Chu Ứng (朱鷹), *Lễ Nghi* (礼仪) (Bắc Kinh: Trung Quốc xã hội xb xã, 2005) trang 8-9 và “Ngũ Lễ thời cổ đại gồm những nội dung chủ yếu nào?” *Lịch Sử Văn Hoá Trung Quốc 中國文化史* (tập I) Trần Ngọc Thuận, Đào Duy Đạt, Đào Phương Chi dịch (Hà Nội: nxb Văn Hoá Thông Tin, 1999) tr. 735-38

của ông phải được dùng để “*dạy dỗ và khai hoá cho những thế hệ mãi về sau*”.⁷ Nhà Thanh lại in những chiến đồ theo lối “*đồng bản hoạ*” của Tây phương mà nhờ đó chúng ta biết thêm một số chi tiết trong các buổi đại lễ do vua Cao Tông chủ toạ.⁸

Việc tổ chức nghi lễ một cách qui mô có ít nhiều tương đồng với với một số quốc gia Âu Châu - điển hình là Pháp - vì nơi đây cũng có những hình thức tương tự bất chước của Trung Hoa. Ngược lại nhà Thanh cũng chịu ảnh hưởng của họ về nghệ thuật và kiến trúc nên vua Càn Long cũng cho xây theo mẫu điện Versailles (do những giáo sĩ dòng Jesuit hoạ kiểu) khu vườn Viên Minh Viên để làm nơi tiếp đón sứ thần Âu Châu.

Năm 1792, vua Càn Long tự phong danh hiệu “*Thập Toàn Lão Nhân*”, viết Thập Toàn Phú tổng kết lại 10 chiến công mà ông cho rằng lấy lòng của mình sau 56 năm trị vì đặt tên là *Thập Toàn Võ Công*. Đối với văn hoá cổ truyền của Trung Hoa, số mười là con số hoàn chỉnh. Mười võ công đó bao gồm các chiến dịch đánh Tây Vực từ năm 1755 đến 1759, trấn áp dân tộc thiểu số ở vùng Tứ Xuyên trong hai lần động binh năm 1747 và 1771, đánh Miến Điện năm 1766, đánh Đài Loan năm 1787, Việt Nam năm 1788 và sau cùng đàn áp người Khuếch Nhĩ Khách ở Tây Tạng, Nepal năm 1790. Những “*công nghiệp*” đó kéo dài nhiều năm tháng, tốn phí lên đến hàng trăm triệu lượng bạc và tạo cơ hội cho quan lại thâm lạm công quỹ.⁹

Những bản sao của các chiến đồ in bằng đồng bản được phân phối cho các địa phương và làm tặng phẩm cho các công thần. Ngoài “*chiến đồ*” và “*công thần tượng*”, nhà Thanh cũng trưng bày nhiều loại chiến lợi phẩm trong Tử Quang Các và Võ Thắng Điện để các tướng lĩnh và phái đoàn ngoại quốc đến Bắc Kinh được dịp chiêm ngưỡng sự hưng thịnh về quân sự của bản triều. Trong chuyến viếng thăm dự lễ Bát Tuần Vạn Thọ, phái đoàn Đại Việt cũng được vào xem tranh và ngự thi trong hai nơi này. Có thể nói đây là những Viện Bảo Tàng Lịch Sử đầu tiên của Trung Hoa.

Joanna Waley-Cohen nhận định rằng việc ghi nhớ các chiến công trong thế kỷ 18 đã trở thành một nghiệp vụ qui mô trên cả ba mặt xã hội, văn hoá, chính trị và đích thân nhà vua trông coi hay chỉ đạo.¹⁰ Có thể nói, vua Càn Long đam mê trò chơi chiến tranh và rất hào hứng, phấn khởi mỗi khi có một chiến dịch. Theo dõi một cách khít khao các tài liệu còn lưu trữ có khi ta thấy ông đưa ra vài ba văn thư, chiếu dụ ... trong một ngày với rất nhiều chi tiết đủ biết ông quan tâm đến võ công biết là chừng nào. Nhà

⁷ To emphasize this even further, the emperor periodically observed that he intended the memorial texts he composed should “*instruct and edify later generations into the distant future*”. Joanna Waley-Cohen, *sđd* tr. 24

⁸ Xem thêm “*Bình Định An Nam Chiến Đồ*” của Nguyễn Duy Chính.

⁹ Theo tổng kết của Lai Phúc Thuận trong *Càn Long Trọng Yếu Chiến Tranh Chi Quân Nhu Nghiên Cứu* (Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1984) thì các chiến dịch đời Càn Long phí tổn như sau: Kim Xuyên lần 1 là 7,127,500 lượng bạc, đánh Chuẩn Cát Nhĩ (2 lần) 23,110,000 lượng bạc, Miến Điện 9,118,374 lượng bạc, Kim Xuyên lần 2 là 53,516,601 lượng bạc, đánh Đài Loan là 3,710,061 lượng bạc, đánh An Nam là 1,346,508 lượng bạc, đánh Khuếch Nhĩ Khách lần 1 là 600,000 lượng bạc, lần 2 là 2,855,638 lượng bạc (biểu đồ số 50, trang 428-30)

¹⁰ Joanna Waley-Cohen, *sđd* tr. 24

vua đã ra lệnh phải đánh thức ông mỗi khi nhận được quân tín và nhiều lần ông thức trắng đêm vì bản khoản chờ đợi tin tức từ chiến trường.¹¹ Theo Triệu Dực (趙翼), một chương kinh (thư ký) trong Quân Cơ Xứ thì nhà vua dù đêm khuya cũng đọc các báo cáo quân sự và lập tức ra lệnh cho các quân cơ đại thần soạn thảo chiếu chỉ để ra lệnh theo ý ông. Nhà vua cũng mặc triều phục ngồi chờ bản thảo để đọc lại, nhiều khi mất rất nhiều thì giờ.¹²

Vua Càn Long cũng theo dõi rất kỹ lưỡng mọi văn thư qua lại và “*kiểm duyệt*” cả thơ văn của người khác để bảo đảm mọi việc nhịp nhàng theo đúng ý mình. Nhiều trường hợp ông còn đưa ra những kế hoạch chi tiết cho các tướng hay quan lại dựa theo đó mà thi hành.

Joanna Waley-Cohen phân biệt ra hai hình thức quân lễ, loại thứ nhất do chính nhà vua đóng vai trò chính, là tâm điểm của buổi lễ, loại thứ hai có tính phô trương cho công chúng, mà tác giả cho rằng đây là một bộ máy tuyên truyền của triều đình. Trong loại thứ nhất với hoàng đế chủ tọa người ta thấy có những buổi duyệt binh (đại duyệt) để biểu dương lực lượng trước khi ra quân, những lễ đăng đàn bái tướng (mệnh tướng) để nhà vua chính thức trao quyền điều quân cho một hay nhiều tướng lãnh và khi thắng trận trở về thì đoàn quân chiến thắng sẽ được đón tiếp cực kỳ long trọng trong các đại lễ khai toàn, hiến phù, thụ phù. Loại thứ hai người ta thấy có các phương tiện để công bố cho công chúng đồng thời phô diễn văn hoá Mãn Châu như một hình thức vừa đối nghịch, vừa bổ túc cho văn hoá trung nguyên mà họ cho rằng quá mềm yếu. Nhấn mạnh vào vũ uy để cân bằng với văn trị trở nên quan trọng.

Một số sử gia và nhà nghiên cứu còn cho rằng bên cạnh những mục đích trấn áp để người Hán khỏi vọng động, những “*văn hoá quân sự*” này còn là một hình thức giải tỏa ẩn ức và phần nào thay thế những cấm đoán mà nhà Thanh hạn chế trong các tiết mục kịch nghệ vốn dĩ là một phần quan trọng trong công tác đề cao tính anh hùng và lòng yêu nước ở những triều đại Hán tộc.

1. Đại duyệt (大閱): Nếu con gấu Panda hay Vạn Lý Trường Thành là hình ảnh của Trung Hoa thì một bức tranh rất nổi tiếng nay được dùng làm biểu tượng cho nhà Thanh. Đó là bức vẽ vua Càn Long mặc nhung phục, cưỡi ngựa, tay cầm roi¹³ mà người ta cho rằng họa gia Giuseppe Castiglione (1688-1766)¹⁴ thực hiện năm 1739 để

¹¹ *He left instructions to awaken him immediately at any time upon receipt of dispatches, and frequently referred to extended periods of virtually sleepless nights as he waited anxiously for news from the front.* Joanna Waley-Cohen, *sđd* tr. 25

¹² Beatrice S. Bartlett, *Monarchs and Ministers – The Grand Council in Mid-Ch'ing China, 1723-1820* (University of California Press, 1991) tr. 218

¹³ mà nhiều người đã tưởng nhầm là tranh vẽ vua Quang Trung khi ông sang dự lễ bát tuần thượng thọ của vua Càn Long tại Bắc Kinh.

¹⁴ Người Ý Đại Lợi, Hán danh Lương Thế Ninh (郎世寧) tu sĩ dòng Jesuit. Ông tới Trung Hoa theo phái bộ truyền giáo năm Khang Hi thứ 54 (1715) rồi được triệu vào cung làm họa sĩ cho triều đình. Ông còn

đánh dấu lần duyệt binh đầu tiên của ông khi nhà vua 28 tuổi nhưng không có bằng chứng để chứng minh chuyện đó là đúng.¹⁵

Theo *Thạch Cừ Bảo Cấp Tục Biên* (石渠寶笈續編) thì một bộ tranh của Kim Côn (金昆) vẽ năm 1749¹⁶ bao gồm 4 cuộn (mỗi cuộn dài khoảng 18 thước, rộng 68 cm) miêu tả kỳ đại duyệt binh này. Cuộn tranh đầu tiên vẽ quang cảnh khi hoàng đế giá lâm, cuộn thứ hai vẽ cảnh bài trí của bát kỳ, cuộn thứ ba vẽ cảnh vua Càn Long duyệt binh và cuộn thứ tư vẽ cảnh binh sĩ thao diễn. Cũng theo sử sách, lần duyệt binh này điều động khoảng 2 vạn quân rất hùng vĩ. Điều đáng tiếc là bộ tranh to lớn này nay không còn đủ nên chúng ta chỉ biết được một phần đại duyệt này.¹⁷ Ngoài Bát Kỳ Binh, chúng ta cũng nhận thấy các bộ phận của Hộ Quân Doanh, Kiêu Kỵ Doanh, Tiền Phong Doanh.

Để chuẩn bị cho một lần duyệt binh, trước đó nhiều tháng các lễ đài đã được dựng lên và thành phần tham dự phải tập dượt kỹ lưỡng. Bộ Binh, bộ Lễ, bộ Công, Nội Vụ Phủ, Nội Các, Võ Bị Viện, Khâm Thiên Giám, Nhạc Bộ ... đều phải tích cực tham gia và cố gắng chu toàn phần vụ của mình. Ngoài việc điều động một lực lượng nhân sự và vũ khí rất lớn từ các địa phương về phục vụ, đại lộ từ Bắc Kinh đến Nam Uyển được tu bổ và trang trí cho phù hợp với lễ tiết và tầm vóc của buổi lễ.

Hai tháng trước kỳ duyệt binh, các toán binh sĩ đã lo luyện tập ngày đêm tại diễn võ trường với nhiều hình thức phô trương hơn là thực dụng. Các cơ chế điều hành và kiểm soát, đơn đốc cũng lục tục kéo đến, ai vào việc nấy. Có thể nói việc phối hợp điều hành hàng ngang, hàng dọc của công tác này rất qui mô, chi tiết đầu đuôi phải nhịp nhàng ăn khớp không khác gì những chương trình thể vận hội đời nay.

dạy các họa sĩ người Trung Hoa phương pháp của Âu Châu nên đời Thanh các họa phẩm mang màu sắc Đông Tây phối hợp. Ông tạ thế tại Bắc Kinh năm Càn Long thứ 31 (1766) thọ 78 tuổi, được vua phong hàm Thị Lang, an táng trong nghĩa địa giáo sĩ ngoài thành Bắc Kinh.

¹⁵ Một giả thuyết khác có vẻ xác đáng hơn có liên quan đến một sự kiện ngoại giao quan trọng. Mùa thu năm 1758, Thanh triều nhận được tin bộ lạc Buruts – một bộ tộc Muslim ở vùng lưu vực Tarim - đưa một phái đoàn tiến cống trong khi Thanh triều đang dẹp loại Hồi Cương (hai anh em Khozi Khan và Burhan-al-Din nổi dậy). Vì cuộc chiến còn dang dở chưa ngã ngũ nên việc bộ lạc Buruts liên minh với nhà Thanh là một lợi thế. Để tạo một ấn tượng tốt, vua Càn Long ra lệnh sắp xếp một buổi đại tiệc ở Mộc Lan (木蘭) và mời họ đi săn trong khu vực săn bắn Nhiệt Hà (熱河), sau đó mới mời về Bắc Kinh (một ân sủng đặc biệt vì các sứ thần Tây Vực chỉ được tiếp tại Nhiệt Hà). Ngày mùng 3 tháng chạp, vua Thanh thiết yến tại điện Thái Hoà, ngày mùng 5 duyệt binh ở Nam Uyển (南苑), khu săn bắn ngoài thành Bắc Kinh. Theo tài liệu còn để lại trong cung, vua Càn Long đã sai họa gia Castiglione vẽ một bức chân dung ông để treo nơi Nam Uyển khi duyệt binh mà người ta tin rằng chính là bức tranh này.

¹⁶ Bảy năm sau lần đại duyệt 1739 vua Càn Long mới sai Kim Côn vẽ nên bộ tranh này hoàn tất 10 năm sau biến cố. Theo sách vở, đúng lý ra tác phẩm vĩ đại này cần 10 năm để thực hiện nhưng vua Càn Long hạ lệnh phải thực hiện trong 3 năm nên có một số chi tiết không hoàn toàn chính xác vì tác giả không đủ thì giờ nghiên cứu.

¹⁷ Xem Zhang Hongxing, *The Qianlong Emperor: Treasures From The Forbidden City* (National Museums of Scotland, 2002) tr. 80

Ngay tại địa điểm dùng làm lễ đài, một chiếc lều lớn hình tròn, trong đó ngai vàng được đặt ngay tại trung tâm, chung quanh là các dụng cụ, vũ khí, y giáp ... mà hoàng đế sẽ dùng. Thật khó mà hình dung ra được khung cảnh của hàng chục vạn người đi lại nhịp nhàng trong tiếng nhạc và tiếng súng thần công, các đội quân cờ xí rợp trời tiến thoái theo chiêng trống. Sau đây là một trích đoạn trong *The Culture of War in China* (Văn Hoá Chiến Tranh tại Trung Hoa) của Joanna Waley-Cohen:

Đại Thanh Thông Lễ qui định rất chi ly những ai sẽ được tham dự vào cuộc duyệt binh, số ngạch được chia cho từng kỳ và các quân doanh. Số người tham dự lên đến nhiều vạn người kể cả – không tính hoàng đế – tướng lĩnh, binh sĩ võ trang, ngự lâm quân, thần cơ doanh, cổ động viên, quân binh mang cờ quạt của các đơn vị, ngự mã ... Mỗi kỳ binh đem theo mười khẩu thần uy pháo, tổng số là tám mươi khẩu cả thảy; cùng các loại vũ khí khác như tử mẫu pháo cũng được trưng bày. Một số các súng ống sẽ được khai hoả trong chương trình buổi lễ. Đến thời khắc đã định, ai nấy vào đúng vị trí của mình trong khi các viên chức cao cấp của bộ Binh tiến lên tâu trình hoàng đế đang ngự nơi cung điện tạm thời. Thần công bắn ba lần và nhạc công cử lên một loại quân nhạc có nguồn gốc từ đời Hán. Khung cảnh của một số đông người cùng các loại vũ khí kèm theo tiếng súng nổ và vũ nhạc tạo nên một khung cảnh vừa mắt thấy vừa tai nghe bao gồm cả ba phần sức mạnh quân sự, sẵn sàng chiến đấu và hi sinh cho lý tưởng võ nghiệp.

Hoàng đế mặc nhung phục và đội mũ có khắc chữ Phạn theo hình thức của một chủ tử vũ trụ vốn là truyền thống của vùng Trung Á, cưỡi ngựa tiến ra khỏi hoàng cung tạm thời đi vào doanh trại dành riêng cho hoàng gia khi buổi lễ tiến hành. Ông có khoảng sáu mươi võ tướng hộ vệ, trang bị súng điểu thương, kiếm hay cung tên và khi nhà vua đến vị trí rồi viên thượng thư bộ Binh mới chính thức xin hoàng thượng duyệt binh. Buổi lễ chính thức bắt đầu.¹⁸

2. Mệnh tướng (命將): đăng đàn báii tướng để chính thức giao quyền cho một bầy tôi chỉ huy quân đội là một nghi lễ đã có từ lâu và chúng ta vẫn thường đọc trên sách vở. Năm 1616, một đại lễ đã được thực hiện tại Hetu Ala, khi đó là kinh đô của Mãn Châu, để Nurhaci tế cáo trời đất tự cho mình sứ mạng trừ gian diệt bạo, tuyên chiến với nhà Minh. Đại lễ này từ đó được tiếp tục nhiều lần để chính thức giao quyền cho tướng lĩnh xuất chinh và đến đời Càn Long thì trở thành “*mệnh tướng*”, một nghi lễ hỗn hợp hình thức của Trung Á và trung nguyên để hợp thức hoá một cuộc chiến mà người ta cho là công chính.

Buổi lễ được tổ chức tại Thái Hoà Điện với sự tham dự của các cấp thân vương, quý tộc, đại thần, ai nấy đều mặc triều phục.

¹⁸ Joanna Waley-Cohen, *sđd* tr. 73

Các tướng lãnh được chỉ định ra quân đứng thành hàng ở phía đông, mặt hướng về phía tây đối diện với các thân vương. Khi hoàng đế mặc triều phục ngồi trên kiệu tiến ra đến Ngọ Môn thì chiêm trống nổi lên cho tới khi nhà vua ngừng lại và lên ngồi trên ngai vàng ở phía bắc. Các tướng lãnh quì xuống và vị nguyên soái được lễ quan đưa lên gặp hoàng đế để nhận chiếu chỉ, sau đó truyền xuống qua từng người rồi tất cả cùng quì xuống làm lễ tam quì cửu khấu đầu. Hoàng đế bấy giờ mới đứng dậy lên kiệu về cung.

3. Giao lao (郊勞): là một nghi lễ trọng đại đánh dấu sự thắng lợi của một chiến dịch. Sở dĩ đại lễ này được đặt tên giao lao cũng vì nhà vua sẽ cưỡi ngựa ra khỏi kinh thành để đón tiếp các tướng lãnh (giao là khu vực bên ngoài kinh đô), đãi tiệc khao quân và có khi còn hành đại lễ “*bảo kiến thình an*” tương tự như ngày xưa đại hãn Mông Cổ gặp các tiểu hãn vùng mạt bắc.

Đại lễ này được qui định từ đời Chu và đã được biến cải để trở thành một tập quán của Thanh triều từ thời Nurhaci. Trong khoảng từ 1627 đến 1642, Hung Taiji đã ra đón quân sĩ thắng trận ít ra cũng mười lần.¹⁹ Vua Khang Hi cũng dùng đại lễ này để đón tiếp các tướng sau vụ bình Tam Phiên nhưng chỉ đến năm 1749 đời vua Càn Long mới trở thành một điển lệ, sau một cuộc chiến bình Kim Xuyên dai dẳng và gian lao.

Vua Càn Long đã thiết yến để khao thưởng Phó Hằng (chính là cha của Phúc Khang An) là vị tướng chỉ huy chiến dịch đó. Cũng trong năm này, nhiều định chế quân sự khác cũng được qui định, chẳng hạn như lễ cáo miếu không phải chỉ tại thái miếu là nơi thờ phụng tổ tiên nhà Thanh mà còn ở cả các lăng tẩm và Khổng miếu. Bi văn cũng được khắc trên bia đá đặt tại Quốc Tử Quán.

4. Hiến phù (獻俘), thu phù (受俘): Hiến phù là hình thức để các tướng dâng tù binh và chiến lợi phẩm lên nhà vua còn thụ phù là lễ tiếp nhận công trạng đó. Hai lễ này có từ đời Đường nhưng đến đời Càn Long, vua Cao Tông mới biến thành một đại lễ mang nhiều tính phô trương. Một điểm đáng chú ý là triều Nguyễn cũng áp dụng một cách khá trung thực các điển chế này.²⁰

Đời Thanh, lễ hiến phù được thi hành nhiều lần phần lớn sau các chiến công bình định Tây Vực. Điều đó cũng dễ hiểu vì những lần đem quân ra khỏi nước (Miến Điện và Đại Việt) thì quân Thanh đều không thắng trận.²¹

¹⁹ Joanna Waley-Cohen, *sđd* tr. 77

²⁰ Lễ hiến phù đời Gia Long không thấy ghi chi tiết nhưng sang đời Minh Mạng, nhà vua xuống dụ cải tổ cho phù hợp với ý “*dâng tù binh, tâu vũ công*” (*Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*, tập VIII – Quyển 114 tr. 26-35), có lẽ chịu ảnh hưởng của luật lệ nhà Thanh.

²¹ Trong chuyến đem quân sang nước ta, Tôn Sĩ Nghị cũng ra lệnh cắt tai binh sĩ Tây Sơn bị họ giết để làm bằng chứng báo tiếp nhưng không được bao nhiêu, còn tù binh mà họ bắt được thì chỉ có 8 người (do một số thổ hào lập công trước khi quân Thanh tiến sang nước ta). Những người này được trao trả khi hai bên thả tù binh về nước.

Trên lý thuyết hai lễ này được thực hiện sau lễ giao lao nhưng có nhiều khi thay đổi. Trong buổi lễ, hoàng đế sẽ tự tay rót rượu để ban cho các tướng lập công to, và nhiều khi có các màn trình diễn âm nhạc của các dân tộc thiểu số mà họ chính là nạn nhân trong những cuộc chinh phạt này.

Vào ngày lễ, tù binh bị buộc bằng một sợi dây lụa trắng vào cổ do viên chức bộ Binh đưa ra đợi tại Thái Miếu. Sau khi chính thức tuyên bố thắng trận và việc bắt giữ tù nhân họ sẽ trao lại cho bộ Hình xử tội. Giáo sĩ Amiot (1718-93) thuộc dòng Jesuit tại triều đình nhà Thanh thuật lại như sau:

Lễ thọ phù bao gồm cả việc tiếp nhận tù binh và quyết định về số phận của họ. Buổi lễ được tổ chức tại điện thứ ba của hoàng cung tiếp giáp ở phía bắc một cửa gọi là Ngọ Môn. Hoàng đế ngồi trên ngai đặt trên một cái bệ ở một cái lầu cao 7 thước rưỡi. Bên cạnh hoàng đế là các hoàng tử còn bên dưới là các thân vương, bồi lặc, công hầu, đại thần. Người ta thấy trong khắp cái sân rộng lớn này đủ loại biểu hiệu của triều đình, cờ xí, giáo mác, phủ việt, chùy cùng các loại hình tượng mà tôi không biết rõ làm thành hai hàng đông tây dài cho đến vô tận. Những người cầm các món đồ đó đều mặc y phục đỏ thêu chỉ vàng; một hàng thứ hai bao gồm quan lại còn hàng thứ ba là thị vệ trang bị vũ khí như thế sắp ra trận.

Trong sân châu là đoàn tượng binh, trên lưng có bành thép vàng, hai bên có chiến xa hộ vệ. Các nhạc công và nhạc khí dàn hai bên của ngự lâu ở phía bắc là nơi đặt ngai vàng của hoàng đế...

Khi nhà vua đến nơi thì chiêm trống trời lên âm ỹ. Sau khi hoàng thượng nhận lời chúc mừng và thần phục, một viên quan bộ Lễ xuống lớn:

- *Tướng lĩnh đã bắt được tù binh tiến lên, quì xuống khấu đầu.*

Sau khi lễ trình diện hoàn tất, các tướng lui về rồi, viên quan đó lại xuống:

- *Các tướng thuộc bộ Binh tiến lên trình diện tù binh.*

Bấy tù nhân Kim Xuyên bất hạnh được đưa lên xa xa trước hoàng đế, mỗi người buộc bằng một sợi vải trắng trên cổ. Họ được lệnh tiến lên mấy bước và quì xuống. Bên cạnh họ là một cái lồng đựng đầu của Seng-ge-sang, một trong các loạn quân mà một người em của y ở trong số tù nhân. Đằng sau họ là một trăm tướng lĩnh, bên phải năm mươi văn quan, bên trái năm mươi nghị chính vương. Quang cảnh đầy uy hiếp này khiến cho một người trong số tù nhân tỏ vẻ căm phẫn nhưng chỉ những người gần bên mới nhận ra. Tuy thế y vẫn rập đầu như những người khác và sau đó tất cả được chuyển sang một phòng gần bên.

Nhà vua lại nhận lời chúc mừng từ những sứ thần quan trọng trong đế quốc của ông và thoái triều trong tiếng nhạc rầm rĩ, tuy không quyết định gì về số phận của những tù nhân nhưng chẳng mấy chốc đã biết rằng họ đều bị xử tử.²²

PHƯƠNG LƯỢC VÀ KỶ LƯỢC

Ngày mồng 10 tháng 8 năm Khang Hi thứ 21 (1682), sau khi Thanh triều dẹp xong loạn Tam Phiên là các trọng thần người Hán nổi lên ở các tỉnh phía Nam²³, giám sát ngự sử Phúc Kiến là Đái Ngọc Tấn (戴玉綬) tâu rằng:

... Trước đây trong các đời Thái Tổ Cao Hoàng Đế, Thái Tông Văn Hoàng Đế, Thế Tổ Chương Hoàng Đế đều có biên soạn “thánh huấn” để lại. Nay xin đem các chiếu mệnh, mật chỉ trong việc dùng binh cùng các mưu cơ chinh讨 mấy năm qua tập hợp biên soạn thành sách để lại cho đời sau ...²⁴

Từ đời Đường các triều đại Trung Hoa đều có chép sử theo lối biên niên (chronological history) gọi là Thực Lục (實錄). Đến nhà Thanh việc biên soạn sử sách đã đạt tới cao điểm. Ngoài việc ghi lại những việc quan trọng xảy ra từng năm, từng tháng, triều đình còn có một bộ phận ghi lại từng lời nói, từng việc nhỏ nhặt hàng ngày của nhà vua riêng vào một bộ gọi là Khởi Cư Chú (起居注). Nhà Thanh cũng ghi chép lại tất cả các lễ nghi, tiệc tùng, biến cố ngoại giao ... vào một bộ sách khổng lồ khác gọi là Hội Điển (會典)²⁵. Riêng về phương lược quân sự, toàn bộ diễn tiến những chiến dịch lớn được sưu tập và ghi lại trong những bộ sách dưới cái tên Kỷ Lược hay Phương Lược không phải chỉ để phô trương sự hùng mạnh của đế quốc Trung Hoa, mà còn là tài liệu để các đại thần và quân sự gia, nhất là Quân Cơ Xứ (bộ phận chỉ huy đầu não của nhà Thanh) nghiên cứu ngõ hầu có thể đưa ra những sách lược mỗi khi có chiến tranh.

Phương Lược (方略) hay Kỷ Lược (紀略) là những bộ sách tập trung toàn bộ những thư từ qua lại giữa triều đình và địa phương từ đầu đến cuối một cuộc chiến²⁶ sắp xếp theo thứ tự thời gian (chronological order), là một loại hồ sơ mật của triều đình vì có nhiều chi tiết liên quan trực tiếp đến việc điều động binh sĩ, kể cả những khó khăn chủ quan và khách quan lúc đó. Theo lời của vua Đạo Quang thì:

Phương là đường lối còn lược là cách thức thực hiện đường lối đó. Nghĩ mưu tính kế để tìm ra quyết sách thắng địch, xác định xem đâu phải làm trước, bao

²² Joanna Waley-Cohen, *sđd* tr. 81-2

²³ xem thêm “Quân Sự Nhà Thanh” của Nguyễn Duy Chính

²⁴ *Khang Hi Khởi Cư Chú*, quyển 2 trang 879 (Trung Hoa thư cục, 1984)

²⁵ Các định chế này được triều Nguyễn du nhập nên ngày nay chúng ta có được một số tài liệu đáng kể ghi lại những sự kiện lịch sử của hai trăm năm qua.

²⁶ *Thanh Sử Cảo*, Nghệ Văn, Kỷ Sự Bản Mật

quát đến hàng vạn dặm mà tụt trung vẫn không xa rời đạo lý ấy là phương. Xếp đặt từng bước cho rõ rệt để tận trừ kẻ xấu điều ác ấy gọi là pháp.²⁷

Về hình thức, việc sưu tập và sắp xếp các bộ Kỹ Lược hay Phương Lược tương đối lớp lang và đầy đủ hơn các bộ Thánh Huấn, Bảo Huấn của đời Minh và đầu đời Thanh. Theo Đại Thanh Hội Điển thì:

Mỗi khi việc quân sự đã xong hay những khi có chính sự quan trọng, theo lệnh vua đều được biên soạn thành sách, ghi chép từ đầu đến cuối hoặc gọi là phương lược hoặc gọi là kỹ lược.²⁸

Việc soạn thảo, thu góp tài liệu những bộ Phương Lược, Kỹ Lược này được triều đình giao cho một cơ quan riêng gọi là Phương Lược Quán (方略館). Cơ quan này được hình thành từ năm Khang Hy 21 (1682) để soạn bộ Bình Định Tam Nghịch Phương Lược, mặc dù cái tên Phương Lược Quán chỉ xuất hiện từ năm Khang Hy 24 (1685) và chỉ là một tổ chức lâm thời được giao một nhiệm vụ nhất định, sau khi hoàn thành lại giải tán.

Bình Định Tam Nghịch Phương Lược được viết bằng chữ Hán nhưng bộ phương lược thứ hai là bộ Bình Định Sát Cáp Nhĩ Bố Nhĩ Ni Phương Lược thì viết bằng cả hai thứ tiếng Mãn và Hán mở đầu cho nhiều bộ phương lược hay kỹ lược khác nhưng mãi đến năm Càn Long 13 (1748), Phương Lược Quán mới được chính thức thành lập như một cơ cấu vĩnh viễn, chuyên biệt để làm việc thường xuyên. Nhiều bộ sau này được viết bằng ba thứ tiếng Mãn, Hán, Mông.

Phương Lược Quán là một trong ba cơ quan gọi là Nội Đình Tam Quán (內廷三館) bao gồm Võ Anh Điện Tu Thư Xứ (thuộc Nội Vụ Phủ), Quốc Sử Quán (thuộc Hàn Lâm Viện) và Phương Lược Quán (thuộc Quân Cơ Xứ). Ngoài ra Phương Lược Quán cũng có nhiệm vụ soạn thảo những thư tịch do hoàng đế chỉ thị. Các bộ sách đồ sộ nổi tiếng Đại Thanh Nhất Thống Chí, Tây Vực Đồ Chí, Minh Kỷ Cương Mục cũng do Phương Lược Quán biên soạn.²⁹

²⁷ 方，道也。略，法也。出謀發慮，決策制勝，明炳于幾先，智周乎萬里，而總不離乎道。法，乃足以彰聲討而殄醜虜也。

Phương, đạo dã. Lược, pháp dã. Xuất mưu phát lự, quyết sách chế thắng, minh bính vu kỷ tiên, trí chu hồ vạn lý, nhi tổng bất ly hồ đạo. Pháp, nãi túc dĩ chương thanh thảo nhi điển xú lỗ dã.

²⁸ 每次軍功告蒞及遇有政事之大者，奉旨纂輯成書，紀其始末，或曰方略，或曰紀略。

Mỗi thứ quân công cáo siển cập ngộ hữu chính sự chi đại giả, phụng chỉ toản tập thành thư, kỷ kỳ thủy mạt, hoặc vi phương lược, hoặc vi kỹ lược. (Đại Thanh Hội Điển, Biện Lý Quân Cơ Xứ – Phương Lược Quán)

²⁹ Bạch Thọ Di 白壽彝 (chủ biên). Trung Quốc Thông Sử 中國通史 (Thượng Hải: Thượng Hải nhân dân xb xã, 2000), quyển 17, trang 840-1

Việc biên soạn sách vở liên quan đến chiến tranh nằm trong hệ thống lưu trữ và thông tin của Thanh triều³⁰. Các văn thư thường được giữ tuyệt mật, chỉ có nội các đối tượng nhận biết mà thôi. Mỗi văn kiện từ ngoài gửi về luôn luôn được sao thành một bản bằng mực son để biết đây là tài liệu của hoàng đế và nội các, bản này chỉ lưu hành trong cung, tuyệt đối không ra ngoài.³¹

Từ đời Ung Chính, các tài liệu này bắt đầu được tàng trữ có hệ thống qui củ và sau đó Quân Cơ Xứ³² (cơ quan quân sự tối cao của triều đình) có toàn quyền quyết định việc khắc bản và in ra. Một điều rất quan trọng đối với các nhà nghiên cứu là mặc dù những bộ phương lược, kỷ lược này sử dụng tài liệu từ Quân Cơ Xứ cốt để hệ thống hoá và rút tủa kinh nghiệm từ một chiến dịch hay công trình, nhưng không phải hoàn toàn nguyên bản mà cũng có khi đã bị cải biên, sửa lại hay dấu bớt trước khi in ra.³³

Mục tiêu của những bộ sách này đã biến thể, trở thành một hình thức đề cao sự chính thống và biện minh cho những chiến dịch, trên danh nghĩa là chinh phạt hay đánh dẹp nhưng thực ra chỉ là “*cá lớn nuốt cá bé*”, trấn áp và xâm lăng được ẩn dấu sau những lời lẽ tốt đẹp.

Trong một nghiên cứu rất qui mô về các chiến dịch của nhà Thanh bành trướng sang Trung Á để sáp nhập một khu vực rộng lớn và chiếm đóng nhiều bộ tộc có những quá trình huy hoàng, Peter C. Perdue đã tìm ra nhiều điểm không ăn khớp khi các chỉ dụ, tấu văn được dịch từ Mãn văn sang Hán văn. Bản dịch được tô điểm để che dấu một số khuyết điểm và một số những chủ trương nguyên thủy được uốn nắn lại cho thích hợp. Những văn thư chính thức đó cũng tiết lộ nhiều vấn đề, nhất là chủ trương diệt chủng hay khinh miệt các dân tộc bị họ xâm lăng mà nghi lễ ngoại giao thường che phủ.³⁴ Do đó Phương Lược Quán không còn là một sử quán thuần túy mà đã đóng vai một cơ

³⁰ xem thêm “Quân Sự nhà Thanh”, biên khảo của Nguyễn Duy Chính

³¹ *The two main kinds of official responses to the palace memorials were rescripts written in vermillion, the emperor's own color that signified the source was the emperor himself, and court letter edicts. These responses were composed, dispatched, and processed entirely in the inner court.* (Hai loại văn kiện chính thức trả lời cho các chiếu biểu trong cung được viết lại bằng mực son, màu của hoàng đế để cho biết rằng đây là nguồn từ chính nhà vua và văn thư của triều đình. Những lời phản hồi đó được tổng kết, truyền đạt và tiến hành hoàn toàn ở nội cung mà thôi). Beatrice S. Bartlett, *Monarchs and Ministers – The Grand Council in Mid-Ch'ing China, 1723-1820* (Berkeley: University of California Press, 1991) tr. 4

³² 軍機處 thường được dịch là Grand Council

³³ *The new publications office was able to censor (approve, gloss, or suppress) original archival documents before publishing the many military campaign histories (fang-lueh) that was issued in particularly large numbers in the Ch'ien-lung period to extol the dynasty's territorial conquests.* (Phương Lược Quán có thể kiểm duyệt (chấp thuận, tô điểm hay dấu bớt) những văn kiện nguyên thủy trước khi đem in những bộ phương lược từng được thực hiện với số lượng lớn trong đời Càn Long để ca ngợi những vụ bành trướng đất đai của triều đại). Beatrice S. Bartlett, *sdd.* tr. 11

³⁴ Peter C. Perdue, *China Marches West – The Qing Conquest of Central Eurasia* (Cambridge, MA: The Belknap Press of Harvard University Press, 2005) tr. 462-470

quan tuyên truyền cho triều đình³⁵. Chính vì thế, mặc dù những bộ Kỷ Lược hay Phương Lược cung cấp cho chúng ta nhiều chi tiết quý giá, việc tìm lại những văn thư nguyên bản để so sánh và hiệu đính luôn luôn cần thiết.

Đó chính là điều chúng ta cần nhắc nhở và không ngạc nhiên khi nhiều chi tiết được nhà Thanh lập đi lập lại cốt nêu cao vai trò chính đáng của họ khi đem quân sang nước ta và rất có thể cũng đã thay đổi một số chi tiết cho phù hợp với nhu cầu của tình thế.

Từ đời Khang Hy trở về sau, các tài liệu và thư từ trao đổi trong mỗi cuộc chiến đều được lưu trữ đầy đủ hầu như không sót chiến dịch nào. Chính vì thế các nhà nghiên cứu sau này dễ dàng tìm hiểu được toàn bộ mọi chính sách từ đầu chí cuối. Tổng cộng từ triều Khang Hy đến triều Quang Tự, nhà Thanh hoàn thành 25 bộ phương lược hay kỷ lược bao gồm:

1. Bình Định Tam Nghịch Phương Lược (平定三逆方略) soạn năm Khang Hy thứ 21 (1682) bao gồm 60 quyển chép lại chiến dịch bình Tam Phiên từ năm Khang Hy thứ 12 (1673) đến năm Khang Hy thứ 20 (1681).
2. Bình Định Sát Cáp Nhĩ Bố Nhĩ Ni Phương Lược (平定察哈爾布尼方略) soạn năm Khang Hy 21 (1682), bao gồm 2 quyển chép về vụ dẹp loạn Sát Cáp Nhĩ Ni năm 1775.
3. Bình Định Hải Khẩu Kỷ Lược (平定海寇紀略) soạn năm Khang Hy 22 (1683) bao gồm 4 quyển chép về vụ bình định họ Trịnh tại Đài Loan.
4. Bình Định La Sát Phương Lược (平定羅剎方略) soạn năm Khang Hy 24 (1685) nhưng chỉ hoàn tất năm Khang Hy 28 (1689) chép về việc Thanh triều đánh nhau với quân Nga tại Nhã Khắc Tát (雅克薩).

³⁵ ... Until the publication of substantial quantities of documents from the Qing archives, the Fanglue were often the only available source for the innermost decision making of the emperor and his high ministers on military affairs. The Fanglueguan, often called the Office of Military Archives, had access to highly sensitive original documents, and part of its task was to compile these materials related to specific campaigns. Since its primary task, however, was to publish an officially approved history of the campaigns after they were completed, the office was not a neutral transmitter of archival documents but an active interpreter of the events, remolding them to fit the orthodox dynastic perspective.

(Trước khi một số lượng tài liệu đáng kể từ văn khố của nhà Thanh được ấn hành, phương lược dường như là nguồn tài liệu duy nhất cho chúng ta biết về các quyết định nội triều của nhà vua và các đại thần về những vấn đề quân sự. Phương Lược Quán, thường được gọi bằng cái tên Văn Khố Quân Sự, có thể có thông tin về những văn kiện nguyên thủy cực nhạy cảm và một phần nhiệm vụ của nó là tập hợp những tài liệu liên quân đến những chiến dịch khác biệt. Vì chương nhiệm vụ chính yếu của Phương Lược Quán là ấn loát một bộ sử được công nhận chính thức sau khi các chiến dịch đã hoàn tất, văn phòng không còn truyền đạt tài liệu một cách vô tư nữa mà là một công cụ phiên dịch biến cố, uốn nắn lại sao cho phù hợp với quan điểm của triều đình ...) Peter C. Perdue, *sdd.* tr. 465

5. Ngự Chế Thân Chinh Bình Định Sóc Mạc Phương Lược (御制親征平定朔漠方略) soạn năm Khang Hy 36 (1708), chép lại ba lần vua Khang Hy thân chinh đem quân đi đánh Cát Nhĩ Đan (噶爾丹) từ năm 1690 đến 1697 bao gồm 48 quyển, có thêm một thiên Ngự Chế Thân Chinh Bình Định Sóc Mạc Kỷ Lược (御制親征平定朔漠紀略).
6. Khâm Định Bình Định Kim Xuyên Phương Lược (欽定平定金川方略) soạn năm Càn Long 13 (1748) chép về chiến dịch đánh Kim Xuyên từ năm 1747 đến năm 1748 ở Tứ Xuyên.
7. Bình Định Chuẩn Cát Nhĩ Phương Lược (平定準噶爾方略) bao gồm tiền biên 54 quyển và chính biên 85 quyển soạn năm Càn Long 37 (1772) chép lại các lần dụng binh đánh Tân Cương từ thời Khang Hy, Ung Chính sang đời Càn Long.
8. Hoàng Thanh Khai Quốc Phương Lược (皇清開國方略) soạn năm Càn Long 38 (1773) nhưng đến năm Càn Long 51 (1786) mới hoàn thành, bao gồm 32 quyển chép về việc nhà Thanh khai quốc từ thần thoại một nàng tiên sinh ra Bố Khố Lý Ung Thuận cho đến đời Thuận Trị nguyên niên (1644) dời đô về Bắc Kinh.
9. Khâm Định Tiếu Bô Giám Thanh Nghịch Phỉ Kỷ Lược (欽定剿捕監清逆匪紀略) soạn năm Càn Long 42 (1777) chép về việc dẹp loạn Vương Luân năm 1774 tại Sơn Đông.
10. Khâm Định Bình Định Lưỡng Kim Xuyên Phương Lược (欽定平定兩金川方略) soạn năm Càn Long 46 (1781), tổng cộng 152 quyển chép các chiến dịch kéo dài từ năm 1755 đến 1779 trong hai lần đánh các bộ lạc thiểu số Kim Xuyên.
11. Khâm Định Lan Châu Kỷ Lược (欽定蘭州紀略) soạn năm Càn Long 46 (1781) bao gồm 21 quyển chép về việc đánh dẹp người Hồi ở Cam Túc năm 1781.
12. Khâm Định Thạch Phong Bảo Kỷ Lược (欽定石峰堡紀略) soạn năm Càn Long 49 (1784) về việc đánh dẹp người Hồi ở Thạch Phong Bảo, Thiểm Tây, 20 quyển.
13. Khâm Định Bình Định Đài Loan Kỷ Lược (欽定平定台灣紀略) soạn năm Càn Long 53 (1788) bao gồm 70 quyển chép việc đánh dẹp Lâm Sảng Văn (林爽文) tại Đài Loan.

14. Khâm Định An Nam Kỷ Lược (欽定安南紀略) soạn năm Càn Long 56 (1791) bao gồm 30 quyển, chép việc nhà Thanh đem quân sang nước ta và việc phong vương, đón tiếp phái đoàn Nguyễn Quang Hiễn và Nguyễn Huệ tại Bắc Kinh.
15. Khâm Định Khuếch Nhĩ Khách Kỷ Lược (欽定廓爾喀紀略) soạn năm Càn Long thứ 60 (1795) bao gồm 54 quyển ghi lại việc nhà Thanh đánh nhau với quân Nepal ở Tây Tạng từ năm 1791 đến năm 1792.
16. Khâm Định Ba Bố Lặc Kỷ Lược (欽定巴布勒紀略) gồm 26 quyển về việc quân Thanh đem quân đánh bộ lạc Ba Bố Lặc gần Tây Tạng năm 1791.
17. Khâm Định Bình Miêu Kỷ Lược (欽定平苗紀略) soạn năm Gia Khánh thứ 2 (1797) chép lại việc quân Thanh đánh dẹp người Miêu tại Quý Châu, Hồ Nam vào năm Càn Long 59 (1794) cho đến năm Gia Khánh nguyên niên (1796).
18. Khâm Định Tiểu Bình Tam Tỉnh Nhã Phỉ Phương Lược (欽定剿平三省雅匪方略) soạn năm Gia Khánh 15 (1810) bao gồm 361 quyển, tục biên 36 quyển và phụ biên 12 quyển chép các vụ dẹp loạn Bạch Liên Giáo tại Hồ Bắc, Tứ Xuyên, Thiểm Tây.
19. Khâm Định Bình Định Giáo Phỉ Kỷ Lược (欽定平定教匪紀略) soạn năm Gia Khánh 21 (1816) bao gồm 42 quyển chép về việc quân Thanh dẹp loạn Thiên Lý Giáo do Lâm Thanh, Lý Văn Thành khởi sự.
20. Khâm Định Bình Định Hồi Cương Tiểu Cầm Nghịch Duê Phương Lược (欽定平定回疆剿擒逆裔方略) soạn năm Đạo Quang thứ 9 (1829) gồm 80 quyển chép về vụ dẹp loạn Trương Cách Nhĩ nổi lên chống lại nhà Thanh ở Tân Cương năm 1870.
21. Khâm Định Tiểu Bình Việt Phỉ Phương Lược (欽定剿平粤匪方略) soạn năm Đồng Trị 11 (1872) bao gồm 421 quyển chép việc Thanh quân dẹp loạn Thái Bình Thiên Quốc.
22. Khâm Định Tiểu Bình Niêm Phỉ Phương Lược (欽定剿平捻匪方略) soạn năm Đồng Trị 11 (1872) bao gồm 320 quyển chép việc dẹp giặc Niêm.
23. Khâm Định Bình Định Thiểm Cam Tân Cương Hồi Phỉ Phương Lược (欽定平定陝甘新疆回匪方略) soạn năm Quang Tự 22 (1896) bao gồm 220 quyển chép việc đánh dẹp Hồi Cương từ năm 1855 đến năm 1888.
24. Khâm Định Bình Định Vân Nam Hồi Phỉ Phương Lược (欽定平定雲南回匪方略) soạn năm Quang Tự 22 (1896) chép việc dẹp giặc Hồi Vân Nam kéo dài từ năm 1855 đến 1879.

25. Khâm Định Bình Định Quý Châu Miêu Phỉ Kỷ Lược (钦定平定贵州苗匪纪略)

soạn năm Quang Tự 11 (1885) bao gồm 40 quyển về việc đánh dẹp người Miêu ở Vân Nam – Quý Châu từ năm 1855 đến 1881.

Bên cạnh sách thuộc về quân sự, triều đình cũng biên tập những bộ phương lược, kỷ lược về một công trình lớn chẳng hạn như Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế Trị Hà Phương Lược (聖祖仁皇帝治河方略) soạn năm Ung Chính thứ 7 (1729) tập trung các chiếu chỉ của vua Khang Hy tu bổ đê điều và trị thủy Hoàng Hà, Vận Hà trong khoảng thời gian 23 năm từ năm Khang Hy 23 (1684) đến Khang Hy 46 (1707). Bộ sách này được tu đính lại năm Càn Long 47 (1782) bao gồm 36 quyển.

Ngoài những bộ sách do chính nhà vua truyền chỉ thực hiện còn những bộ sách khác cũng đề phương lược, kỷ lược nhưng do tư nhân hay địa phương biên soạn. Theo thống kê, đời Thanh có đến trên 45 bộ sách thuộc loại này như Bình Định La Sát Phương Lược (4 quyển), Bình Đài Kỷ Lược (1 quyển), Bình Định Việt Phỉ Kỷ Lược (10 quyển)

...

KẾT LUẬN

Khi nghiên cứu về văn hoá quân sự của nhà Thanh, nhiều học giả cho rằng người Mãn Châu khi chiếm được trung nguyên đã rất cảnh giác về nguy cơ bị người Hán khôi phục. Bài học cụ thể nhất cho những vị hoàng đế đầu tiên của Thanh triều không phải đâu xa mà chính là sự suy bại của nhà Minh nên luôn luôn tìm cách tránh những vết xe đổ của cựu triều và đặt hoàng đế vào một vị trí luôn luôn năng động, rất gần với quan niệm “*lấy đại loạn để tiến tới đại trị*” của Mao Trạch Đông gần đây.

Vua Càn Long cũng luôn luôn nhấn mạnh đến việc quân bằng văn, võ như một hài hoà tiêu biểu của vũ trụ và nếu ai phá vỡ sự quân bằng đó sẽ không giữ được mệnh trời. Chính vì muốn nhấn mạnh cả văn trị lẫn võ uy để tuyên dương oai đức thiên triều, một số chi tiết trong Khâm Định An Nam Kỷ Lược sẽ không minh bạch nếu chúng ta không đối chiếu với toàn cảnh của nhà Thanh lúc đó. Việc “*giải mã*” một số sự việc tưởng như không quan trọng lại cho chúng ta những góc cạnh mới, từ danh xưng đến các món quà, y phục, ngôi vị trong bữa ăn ... và dĩ nhiên cả những hình thái có tính phô trương cốt để cho mọi người đều biết.

Bên cạnh những văn kiện ngoại giao với nhiều chi tiết mới mẻ cần nghiên cứu tường tận, nhiều chi tiết tuy nhỏ nhặt nhưng lại mang những ý nghĩa khá quan trọng. Việc phái đoàn vua Quang Trung được “*mời*” vào Tử Quang Các và ban yến tại đây có ý nghĩa thế nào? Bức hình thứ 6 trong bộ An Nam Chiến Đồ vẽ cảnh Nguyễn Quang Hiển vào nhận sắc phong tại sao lại tương tự như bức tranh khải hoàn từ Đài Loan? Những chi tiết đặc dị, khác thường từ lễ “*bảo kiến thỉnh an*” dành cho Nguyễn Huệ, đến những ban thưởng như y phục, ngọc như ý, ngựa chiến, vẽ chân dung vua Quang Trung ... và cả những thư từ khá riêng tư giữa hai triều đình đều có những ẩn nghĩa cần phân tích.

Nếu so sánh với nhiều chiến công khác lừng lẫy hơn trong đời Càn Long, người ta sẽ rất ngạc nhiên khi Thanh triều đã áp dụng một số biện pháp chưa từng có đối với triều đình Tây Sơn nói chung và Nguyễn Huệ nói riêng. Những miêu tả của Đoàn Nguyễn Tuấn “*tòng lai ngô quốc sứ Hoa vị hữu như thử chi kỳ thả vinh giả*” (từ trước đến giờ sứ nước ta sang Trung Hoa chưa bao giờ được vinh dự như thế) hay của Phan Huy Ích “*phi tiên báo quốc nhân, hoàng hoa đệ nhất bộ*” (trong các phái đoàn các nước thì phái đoàn ta đứng đầu) trước đây chưa được giải thích một cách thoả đáng vì các sử gia Việt Nam vẫn cho rằng việc ngoại giao Tây Sơn – Thanh triều chỉ là một chuỗi những cuộc đấu trí dùng tiểu xảo. Những hình thái có vẻ như bất thường đó nếu không được nghiên cứu dưới một nhãn quan chung về quan niệm quân sự và văn hoá của nhà Thanh, chúng ta sẽ thấy rất khó hiểu và nhiều khi mâu thuẫn. Chúng ta thấy gần như vua Quang Trung được tiếp đón và đối xử như một tiểu vương Trung Á bằng những lễ thức mang tính “*thượng võ*” trong khi các sứ thần các quốc gia khác lại mang vẻ “*sùng văn*” hơn.

Tuy chỉ là một chiến dịch ngắn ngủi và tương đối nhỏ so với những lần động binh khác, cuộc chiến Việt – Thanh cũng lại được dùng để phô trương rất long trọng. Ngoài 6 bức đồng bản hoạ mà chúng tôi đã giới thiệu trong bài Bình Định An Nam Chiến Đồ, nhà Thanh cũng chép riêng tiến trình chiến sang hoà của hai quốc gia thành một bộ Kỷ Lược 30 quyển (và một quyển ngự thi của vua Càn Long) mà nội dung có thể bao gồm ba giai đoạn khác nhau, mỗi giai đoạn có một chính sách và một trọng tâm mới. Chúng tôi sẽ đề cập đến những chi tiết này trong bài kế tiếp.

Trong một hoàn cảnh đặc biệt, triều đình Đại Việt đã tạo nên một chỗ đứng không thể hiểu được khi nhìn bằng những tiêu chuẩn cũ. Biến chuyển chính trị tại Việt Nam tiếp theo đó đã khiến nhà Thanh gần như dấn nhem chuyển đi của vua Quang Trung và tìm cách biến tương quan Hoa – Việt thành mờ nhạt. Đây là một biểu đồng tình của cả vua Gia Khánh lẫn triều đình Việt Nam hậu Tây Sơn muốn quên đi một chính sách ngoại giao ưu đãi để quay trở về tương quan thiên triều, phiên thuộc như đời Lê, đời Trần. Hậu nhân có bốn phận phải tìm lại mất xích đứt của lịch sử và làm sáng tỏ một giai đoạn khác thường trong suốt thời kỳ tự chủ của nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-0-

1. Bartlett, Beatrice S. *Monarchs and Ministers – The Grand Council in Mid-Ch'ing China, 1723-1820*. Berkeley: University of California Press, 1991.
2. Forest, Alain. *Les Missionnaires Francais au Tonkin et au Siam XVII^e-XVIII^e Siècles*. Livre II: *Histoires Du Tonkin*. Paris: L'Harmattan, 1998.
3. Dutton, George. *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eigtheenth-Century Vietnam*. Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
4. Bạch Thọ Di 白壽彝 (chủ biên). *Trung Quốc Thông Sử (中國通史)* (22 cuốn) Thượng Hải: Thượng Hải nhân dân xb xã, 2000.
5. Waley-Cohen, Joanna. *The Culture of War in China – Empire and the Military Under the Qing Dynasty*. New York: I.B. Tauris, 2006.
6. Nhậm Kế Dũ (任繼愈) chủ biên. *Trung Quốc Văn Hoá Đại Điển (中國文化大典)* (4 cuốn). Thái Nguyên: Sơn Tây Giáo Dục xb xã, 1999.
7. Chu Ứng (朱鷹). *Lễ Nghi (礼仪)* Bắc Kinh: Trung Quốc xã hội xb xã, 2005.
8. Zhang Hongxing. *The Qianlong Emperor, Treasures from the Forbidden City*. Scotland: National Museums of Scotland Publishing Limited, 2002.
9. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam Thực Lục. Tập Một*. (Nguyễn Ngọc Tỉnh phiên dịch) Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2002.
10. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện: Nhà Tây Sơn* (Tạ Quang Phát dịch). Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hoá, 1970.
11. Trương, Hiểu Quang (張曉光). *Thanh Đại Đồng Bản Chiến Công Đồ Toàn Biên (清代銅版戰功圖全編)* Bắc Kinh: Học Uyển xb xã, 2000.
12. Ông, Liên Khê (翁連溪). *Thanh Đại Cung Đình Bản Hoạ (清代宮廷版畫)*. Bắc Kinh: Văn Vật xb xã, 2001.
13. Viện Sử Học – Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam. *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* (Tập VIII, quyển 113 – quyển 136). Huế: Thuận Hoá, 1993.
14. *Lịch Sử Văn Hoá Trung Quốc 中國文化史* (tập I) Trần Ngọc Thuận, Đào Duy Đạt, Đào Phương Chi (dịch) Hà Nội: nxb Văn Hoá Thông Tin, 1999.

15. Perdue, Peter C. *China Marches West – The Qing Conquest of Central Eurasia*. Cambridge, MA: The Belknap Press of Harvard University Press, 2005
16. Rawski, Evelyn S. và Jessica Rawson (ed.) *China, The Three Emperors 1662-1795*. London: Royal Academy of Arts, 2006